





























# Tra cứu Thủ tục hành chính bằng mã QR







STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã QR
1	1.000934.000.00.00.H11	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thi đua khen thưởng	
2	1.000898.000.00.00.H11	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề	Thi đua khen thưởng	
3	1.000924.000.00.00.H11	Thủ tục Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thi đua khen thưởng	
4	2.000287.000.00.00.H11	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc	Thi đua khen thưởng	
5	2.000449.000.00.00.H11	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thi đua khen thưởng	
6	2.000418.000.00.00.H11	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho gia đình	Thi đua khen thưởng	








7	2.000437.000.00.00.H11	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề	Thi đua khen thưởng	
8	2.000422.000.00.00.H11	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất	Thi đua khen thưởng	
9	1.000681.000.00.00.H11	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại	Thi đua khen thưởng	
10	1.010195.000.00.00.H11	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ	Văn thư và lưu trữ nhà nước	
11	1.003900.000.00.00.H11	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường	Tổ chức phi chính phủ	
12	2.001678.000.00.00.H11	Thủ tục đổi tên hội	Tổ chức phi chính phủ	
13	1.003879.000.00.00.H11	Thủ tục đổi tên quỹ cấp tỉnh	Tổ chức phi chính phủ	







14	1.003918.000.00.00.H11	Thủ tục hội tự giải thể	Tổ chức phi chính phủ	
15	1.003920.000.00.00.H11	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	Tổ chức phi chính phủ	
16	1.003822.000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Cấp tỉnh)	Tổ chức phi chính phủ	
17	1.003916.000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Cấp tỉnh)	Tổ chức phi chính phủ	
18	1.003960.000.00.00.H11	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	Tổ chức phi chính phủ	
19	2.001688.000.00.00.H11	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Tổ chức phi chính phủ	
20	1.003858.000.00.00.H11	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện cấp tỉnh	Tổ chức phi chính phủ	

21	1.003950.000.00.00.H11	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ hoạt động có thời hạn (Cấp tỉnh)	Tổ chức phi chính phủ	
22	1.003503.000.00.00.H11	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	Tổ chức phi chính phủ	
23	2.001590.000.00.00.H11	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ (Cấp tỉnh)	Tổ chức phi chính phủ	
24	1.003621.000.00.00.H11	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ (Cấp tỉnh)	Tổ chức phi chính phủ	
25	2.001481.000.00.00.H11	Thủ tục thành lập hội	Tổ chức phi chính phủ	
26	1.003866.000.00.00.H11	Thủ tục quỹ tự giải thể (Cấp tỉnh)	Tổ chức phi chính phủ	
27	2.001567.000.00.00.H11	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ (Cấp tỉnh)	Tổ chức phi chính phủ	








28	1.009321.000.00.00.H11	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền giải quyết UBND cấp tỉnh	Tổ chức - Biên chế	
29	1.009319.000.00.00.H11	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền giải quyết UBND cấp tỉnh	Tổ chức - Biên chế	
30	1.009320.000.00.00.H11	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền giải quyết UBND cấp tỉnh	Tổ chức - Biên chế	
31	1.009339.000.00.00.H11	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (tổ chức hành chính)	Tổ chức - Biên chế	
32	1.009340.000.00.00.H11	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (tổ chức hành chính)	Tổ chức - Biên chế	
33	1.009352.000.00.00.H11	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải đơn vị sự nghiệp công lập, Giám đốc ĐHQGHN, Giám đốc ĐHQGTPHCM, UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương (sự nghiệp công lập)	Tổ chức - Biên chế	
34	1.009914.000.00.00.H11	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải đơn vị sự nghiệp công lập, Giám đốc ĐHQGHN, Giám đốc ĐHQGTPHCM, UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương (sự nghiệp công lập)	Tổ chức - Biên chế	

35	1.009331.000.00.00.H11	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tổ chức - Biên chế	
36	1.009332.000.00.00.H11	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tổ chức - Biên chế	
37	1.009333.000.00.00.H11	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tổ chức - Biên chế	
38	2.000465.000.00.00.H11	Thủ tục thành lập thôn mới, tổ dân phố mới	Chính quyền địa phương	
39	1.000989.000.00.00.H11	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã	Chính quyền địa phương	
40	1.003999.000.00.00.H11	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	Công tác thanh niên	
41	2.001717.000.00.00.H11	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	Công tác thanh niên	








42	2.001683.000.00.00.H11	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Công tác thanh niên	
43	2.000456.000.00.00.H11	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	Tôn giáo Chính phủ	
44	1.001886.000.00.00.H11	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
45	1.001775.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
46	1.001550.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	Tôn giáo Chính phủ	
47	1.001589.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm họp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
48	1.001807.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	








49	1.001604.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
50	1.001610.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
51	2.000713.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	Tôn giáo Chính phủ	
52	1.010196.000.00.00.H11	Thủ tục cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ	Văn thư và lưu trữ nhà nước	
53	1.005065.000.00.00.H11	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên	
54	1.005062.000.00.00.H11	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục thường xuyên	
55	1.000744.000.00.00.H11	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên	












56	1.005057.000.00.00.H11	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên.	Giáo dục thường xuyên	
57	1.005466.000.00.00.H11	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực.	Các cơ sở giáo dục khác	
58	1.004712.000.00.00.H11	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	Các cơ sở giáo dục khác	
59	2.001805.000.00.00.H11	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Các cơ sở giáo dục khác	
60	1.002407.000.00.00.H11	Xét, cấp học bổng chính sách	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
61	1.005385.000.00.00.H11	Thủ tục tiếp nhận tiếp nhận vào công chức (Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020).	Công chức, viên chức	
62	1.005393.000.00.00.H11	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức	Công chức, viên chức	






63	1.005394.000.00.00.H11	Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	Công chức, viên chức	
64	2.002157.000.00.00.H11	Thủ tục thi nâng ngạch công chức	Công chức, viên chức	
65	1.005384.000.00.00.H11	Thủ tục thi tuyển công chức	Công chức, viên chức	
66	1.005388.000.00.00.H11	Thủ tục thi tuyển Viên chức	Công chức, viên chức	
67	2.002156.000.00.00.H11	Thủ tục xét tuyển công chức	Công chức, viên chức	
68	1.005392.000.00.00.H11	Thủ tục xét tuyển viên chức	Công chức, viên chức	
69	2.000264.000.00.00.H11	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	

70	2.000269.000.00.00.H11	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Tôn giáo Chính phủ	
71	1.001854.000.00.00.H11	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	Tôn giáo Chính phủ	
72	1.000766.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
73	1.001894.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
74	1.001818.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
75	1.001832.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
76	1.001843.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Tôn giáo Chính phủ	

77	1.001875.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
78	1.001797.000.00.00.H11	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Tôn giáo Chính phủ	
79	1.001628.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
80	1.000638.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Tôn giáo Chính phủ	
81	1.000535.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Tôn giáo Chính phủ	
82	1.000517.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Tôn giáo Chính phủ	
83	1.000415.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Tôn giáo Chính phủ	

84	1.000654.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Tôn giáo Chính phủ	
85	1.001642.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo truyền chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành	Tôn giáo Chính phủ	
86	1.001624.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
87	1.000780.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP	Tôn giáo Chính phủ	
88	1.000587.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
89	1.000604.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Tôn giáo Chính phủ	
90	1.000788.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	Tôn giáo Chính phủ	

91	2.002167.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
92	1.001640.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Tôn giáo Chính phủ	
93	1.001637.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
94	1.001626.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	Tôn giáo Chính phủ	
95	1.009354.000.00.00.H11	Thủ tục hành chính về thẩm định số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định của bộ, ngành, địa phương	Tổ chức - Biên chế	
96	1.009355.000.00.00.H11	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định của bộ, ngành, địa phương	Tổ chức - Biên chế	
97	2.001396.000.00.00.H11	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	

98	2.001157.000.00.00.H11	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	
99	2.000216.000.00.00.H11	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bảo trợ xã hội	
100	2.000144.000.00.00.H11	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bảo trợ xã hội	
101	1.010194.000.00.00.H11	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc	Văn thư và lưu trữ nhà nước	
102	2.002407.000.00.00.H11	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	Giải quyết khiếu nại	
103	2.002411.000.00.00.H11	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Giải quyết khiếu nại	